TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HSST
Ngày 29-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân D: Ông Lê Minh Thơm

Ông Nguyễn Hoàng Trung

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân D huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân D huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2023/TLST-HS ngày 10/3/2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HS ngày 15/3/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành D - Giới tính: Nam; sinh năm: 1986 tại: M; ĐKHKTT: Thôn Nội Đọ, xã L, huyện N, tỉnh M; quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn Diện và con bà: Bùi Thị N (đã chết); vợ: Lương Thị H (ly hôn năm 2022); TATS: Theo danh chỉ bản số 63 ngày 06/01/2023 do Công an huyện K lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền án: Năm 2020, bị Tòa án nhân D huyện B L, M xử phạt 24 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy; chấp hành xong hình phạt ngày 10/02/2022.

Bị cáo bị bắt trong trường khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 30/12/2022 đến ngày 05/01/2023 chuyển tạm giam; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

** Bị hại:*

1. Anh Vũ Ngọc S, sinh năm 1969; HKTT: Quý S, xã Q, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt;

2. Anh Phan Phước Nữa, sinh năm 1978; HKTT: Thi P, xã Điện M, huyện B, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt;

3. Anh Khuất Gia B, sinh năm 1991; HKTT: Thôn G, xã T, huyện Ư, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 08 giờ 00 ngày 30/12/2022, Nguyễn Thành D đi xe bus từ bến xe B, phường B, quận N, Hà Nội đi đến khu đô thị E thuộc địa phận xã G, huyện K, Hà Nội với mục đích trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 09 giờ 00 cùng ngày, D xuống xe bus và đi bộ lang thang trong khu đô thị E. Khi D đi đến khu vực trước cửa căn hộ HAII SP12-27 khu Hải Âu thuộc KĐT E, G thì phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô, kiểu dáng Zongshen màu xanh, mang BKS: 11F1 - 9612 thuộc sở hữu của anh Vũ Ngọc S đang dựng ở trên vỉa hè, không có người trông giữ. Thấy vậy, D sử dụng chiếc chìa khóa bằng kim loại mà D đã chuẩn bị từ trước cắm vào ổ khóa của chiếc xe để mở khóa. Sau khi mở được khóa, D dắt chiếc xe mô tô xuống lòng đường, ngồi lên xe và nổ máy đi về hướng bãi gửi xe của khu Hải Âu để tẩu thoát. Khi D điều khiển xe đi được khoảng 50m thì bị Công an xã G phối hợp với lực lượng bảo vệ khu đô thị E kiểm tra phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản trên, Nguyễn Thành D còn thực hiện các 02 hành vi trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện K như sau:

+ ***Vụ thứ nhất*:** Vào khoảng 12 giờ ngày 29/12/2022, cũng với thủ đoạn như trên, Nguyễn Thành D đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter màu xanh, BKS: 29P6 - 5xxx thuộc sở hữu của anh Phan Phước Nữa tại trước cửa căn hộ số 2327 khu Sao Biển thuộc khu đô thị E, xã G, K.

+ ***Vụ thứ hai:*** Khoảng 15 giờ ngày 29/12/2022, cũng với thủ đoạn như trên, Nguyễn Thành D đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu QUICK màu nâu, BKS: 33K6 - 2589 thuộc sở hữu của anh Khuất Gia B tại tầng 1 phía trong căn hộ số 0970 khu Sao Biển thuộc khu đô thị E xã G, K.

Sau khi trộm cắp được 02 chiếc xe mô tô trên, D đã điều khiển xe đến đoạn đường Đàm Quang Trung (khu vực chân cầu Vĩnh Tuy), phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội và bán cho một người phụ nữ không rõ nhân thân thu mua sắt vụn trên vỉa hè với giá mỗi chiếc là 500.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán 02 chiếc xe, D đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06 ngày 05/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, kết luận:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Zongshen, màu xanh, có số khung 01550, số máy 99019486, BKS: 11F1 - 9612, đã qua sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ việc có trị giá 1.000.000 đồng;

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Quick, màu nâu, số khung LWGXCHL01541722, số máy LC150PMG01411722, BKS: 33K6 - 2589, đã qua sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ việc có trị giá 2.000.000 đồng;

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xanh, số khung: VYAJ5VT23YA017325, số máy: 5VT217325, BKS: 29P6 - 5xxx, đã qua sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ việc có trị giá 3.500.000 đồng.

* Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKSGL ngày 03/3/2023 của Viện Kiểm sát nhân D huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành D về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân D huyện K giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 16 đến 20 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2022.

- Về trách nhiệm D sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh Nữa số tiền là 3.500.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho anh B số tiền là 2.000.000 đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy chiếc chìa khóa xe máy.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân D huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, bản Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân D huyện K đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/12/2022, tại KĐT E, huyện K, thành phố Hà Nội, bị cáo Nguyễn Thành D có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS: 29P6 - 5xxx trị giá 3.500.000 đồng của anh Phan Phước Nữa; 01 chiếc xe mô tô BKS: 33K6 - 2589 trị giá 2.000.000 đồng của anh Khuất Gia B. Tiếp đến, ngày 30/12/2022, tại trước cửa căn hộ HAII SP12-27 khu Hải Âu, khu đô thị E, thuộc địa phận xã G, huyện K, Hà Nội, bị cáo Nguyễn Thành D tiếp tục có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS: 11F1 - 9612 trị giá 1.000.000 đồng của anh Vũ Ngọc S. Tổng trị giá tài sản bị cáo Nguyễn Thành D đã chiếm đoạt là: 6.500.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành D đã có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Viện Kiểm sát nhân D huyện K đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Nhân thân của bị cáo đã có 01 tiền án: Năm 2020, bị Tòa án nhân D huyện B Lục, M xử phạt 24 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy; chấp hành xong hình phạt ngày 10/02/2022. Tiền án trên của bị cáo chưa được xoá nên bị cáo phạm tội lần này là tái phạm. Ngoài ra, trong một thời gian ngắn, bị cáo thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản. Do

đó, bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về áp dụng hình phạt:

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về trách nhiệm D sự:

[9]. Bị hại là anh Vũ Ngọc S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì về D sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Bị hại là anh Phan Phước Nữa và anh Khuất Gia B yêu cầu bị cáo D phải bồi thường thiệt hại tài sản theo kết luận định giá tài sản là có căn cứ nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Nữa số tiền là 3.500.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho anh B số tiền là 2.000.000 đồng.

- Về hình phạt bổ sung:

[10]. Xét thấy bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về xử lý vật chứng:

[11] Thu giữ 01 (Một) chìa khóa xe, đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng nên cần cho tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

- Về các vấn đề khác:

[12]. Đối với người phụ nữ mua xe mô tô do bị cáo D trộm cắp được mà có, do không xác định được nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không có căn cứ để xử lý.

- Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức hình phạt, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về trách nhiệm D sự, về hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng và về các vấn đề khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về án phí:

[13]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[14]. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành D 16 *(Mười sáu)* tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/12/2022.

2. Về hình phạt bổ sung: Không.

3. Về trách nhiệm D sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thành D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Phan Phước Nữa số tiền là 3.500.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho anh Khuất Gia B số tiền là 2.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chìa khóa xe, đã qua sử dụng.

(Hiện có tại Chi cục Thi hành án D sự huyện K theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/3/2023).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thành D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí D sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật D sự 2015.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án D sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKS nhân D huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã L, huyện N, tỉnh M (Thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng